

Bản án số: 32/2026/HS-PT
Ngày 14 – 4 – 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Thanh Gia

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân

Ông Ung Quang Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Hòa Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2026/TLPT-HS ngày 19 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo Vũ Trọng N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2026/HS-ST ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo:

Vũ Trọng N, sinh ngày 28/3/1963 tại tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); số căn cước công dân: 052063002812; nơi cư trú: Tổ dân phố A, T, phường A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ H (chết) và bà Nguyễn Thị L (chết); vợ: Huỳnh Thị Kim L1, sinh năm: 1965; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1989 và nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 09/8/2025, Vũ Trọng N gọi điện cho anh Huỳnh Ngọc T để đòi tiền mà anh T nợ trước đó thì anh T nói “Dượng cái con cặc, muốn gì thì lên nhà tôi trực tiếp nói chuyện”. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81G1-353.80 chở vợ là bà Huỳnh Thị Kim L1 đến nhà anh T

tại tổ dân phố E, T, phường A, tỉnh Gia Lai. Tại đây, N nói chuyện với anh T về số tiền 10.500.000 đồng mua phân bón cây mà anh T còn nợ của N. Lúc này, anh T nói “Tiền lười trước đây tôi đưa ông tôi tính 1.000.000 đồng một ký được chưa”. Do bức tức việc anh T không chịu trả tiền, N liền lấy mũ bảo hiểm màu xanh da trời nhãn hiệu YAMAHA đánh một cái trứng vào đầu của anh T, sau đó Nhân vật anh T nằm ngửa trên nền đất và dùng mũ bảo hiểm đánh liên tiếp 03 cái trứng vào vùng trán trái của anh T gây thương tích. Lúc này, anh T vùng dậy chạy ra sau vườn, còn vợ chồng N thì bỏ đi về nhà. Sau đó anh T được người nhà đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế A và đến ngày 13/8/2025 thì xuất viện.

Ngày 02/10/2025, anh T có đơn yêu cầu khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Vũ Trọng N về hành vi “Cố ý gây thương tích”.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 93B/KLTTCT-PYGL ngày 16/9/2025, Trung tâm pháp y tỉnh G kết luận thương tích của anh T như sau: 01 sẹo vết thương phần mềm hình vòng cung góc trên ngoài trán trái 03%. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh T tại thời điểm giám định là 03%.

Tại Bản kết luận giám định vật gây thương tích số 94B/KLVGTT-PYGL ngày 17/9/2025, Trung tâm pháp y tỉnh G kết luận: Cơ chế hình thành dấu vết thương tích phù hợp với sự tác động trực tiếp. Vật gây thương tích phù hợp với sự tác động của vật có cạnh cứng. Vì vậy, vật được Cơ quan Cảnh sát điều tra trưng cầu là 01 mũ bảo hiểm nhãn hiệu Yamaha đã bị nứt vỡ có nhiều cạnh cứng là vật phù hợp để gây ra thương tích nêu trên cho anh T.

Anh T1 yêu cầu N bồi thường số tiền 66.772.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2026/HS-ST ngày 05/02/2026, Tòa án nhân dân khu vực 13 – Gia Lai đã căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134, điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 38, 47, khoản 2 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo N 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, phân xử lý vật chứng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09/02/2026, bị cáo Vũ Trọng N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và tại phiên tòa, bị cáo N thay đổi nội dung kháng cáo, xin được hưởng án treo.

Ngày 08/4/2026, bị cáo N đã nộp đủ số tiền bồi thường 16.936.472 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm tại Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo N, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo, xử phạt bị cáo N 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định:

Do có mâu thuẫn trong việc giải quyết nợ nần nên sáng ngày 09/8/2025 tại nhà của anh Huỳnh Ngọc T ở tổ dân phố E, T, phường A, tỉnh Gia Lai, Vũ Trọng N đã có hành vi dùng mũ bảo hiểm đánh trúng vào đầu và vùng trán trái của anh T gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 03%.

Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 13 – Gia Lai đã xét xử bị cáo N về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm sức khỏe của người khác, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự nên cần phải xử lý nghiêm.

[3] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Vũ Trọng N, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Bị cáo với anh T có quan hệ họ hàng với nhau, anh T là cháu ruột của vợ bị cáo. Bị cáo dùng mũ bảo hiểm đánh vào đầu của anh T là hành vi bộc phát tức thời, nguyên nhân là do trước đó anh T cũng đã có lời lẽ chửi bới và khi nói chuyện nợ nần với bị cáo, anh T có thái độ không hợp tác. Thương tích của anh T nhẹ, tỷ lệ tổn thương cơ thể thấp. Ngoài ra, theo lời khai của anh T (bút lục 62, 63) thì khi bị đánh, anh T cũng đã có hành vi chụp cái rựa đang để trên bàn đập vào sườn trái của bị cáo; khi bị cáo đẩy anh T ngã và đè anh T xuống đất thì bị cáo đã tước cái rựa từ tay của anh T, một lúc sau hai bên tiếp tục lao vào đánh nhau, bị cáo tiếp tục dùng mũ bảo hiểm đánh anh T còn anh T đã dùng tay và chân đánh vào người của bị cáo rồi sau đó bỏ chạy ra sau vườn.

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có thiện chí bồi thường khắc phục hậu quả, không có chút hối hận về hành vi phạm tội của mình vì cho rằng hành vi phạm tội của bị cáo là do lỗi của bị hại nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là không phù hợp vì trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã khai nhận đầy đủ, đúng sự thật, chính xác, rõ ràng về hành vi phạm tội của mình và nhận thức được hành vi của mình trái với quy định của pháp luật; việc bị cáo cho rằng hành vi phạm tội của mình là do lỗi của bị hại là ý kiến chủ quan của bị cáo, ngoài ra gia đình bị cáo cũng có đến nhà anh T để bồi thường nhưng anh T không đồng ý vì cho rằng bị cáo là người đánh nên phải có trách nhiệm đến gặp để nói chuyện và bồi thường chứ không liên quan gì đến vợ, con của bị cáo (thể hiện tại biên bản phiên tòa sơ thẩm). Do đó, trong trường hợp này, bị cáo hoàn toàn đủ điều kiện để được hưởng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền bồi thường 16.936.472 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm và đồng thời cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới là cá nhân bị cáo đã có thời gian tham gia công tác ở Chiến trường Campuchia, cha bị cáo ông Vũ H là người có công cách mạng, đã được nhà nước tặng huân chương

giải phóng hạng ba, huân chương kháng chiến hạng nhì, huân chương quyết thắng hạng nhất nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích trên, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã liệt kê nêu trên, bị cáo có nhân thân tốt, hiện nay bị cáo đã lớn tuổi, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo; đồng thời theo quy định của Nghị quyết số 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự thì bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Vũ Trọng N, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo, cho bị cáo N được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[4] Bị cáo sinh năm 1963, thuộc trường hợp người cao tuổi nên căn cứ Điều 2 của Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo N được miễn án phí hình sự sơ thẩm và phúc thẩm, án phí dân sự sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm là không phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa quyết định của bản án sơ thẩm về phần án phí.

[5] Tiếp tục tạm giữ số tiền 16.936.472 đồng bị cáo Vũ Trọng N đã nộp theo biên lai thu số 0000950 tại Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai để đảm bảo thi hành án.

[6] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo N, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo, xử phạt bị cáo N 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 2 của Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Trọng N. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 11/2026/HS-ST ngày 05/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Gia Lai về phần hình phạt đối với bị cáo và phần án phí.

2. Xử phạt bị cáo Vũ Trọng N 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 14/4/2026).

Giao bị cáo Vũ Trọng N cho Ủy ban nhân dân phường A, tỉnh Gia Lai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Bị cáo Vũ Trọng N không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và phúc thẩm, án phí dân sự sơ thẩm.

4. Tiếp tục tạm giữ số tiền 16.936.472 đồng bị cáo Vũ Trọng N đã nộp theo biên lai thu số 0000950 tại Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai để đảm bảo thi hành án.

5. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 13 – Gia Lai;
- VKSND khu vực 13 – Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 13 – Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng GD, KT, TT và THA TAND tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Lưu: Toà Hình sự, HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Văn Thanh Gia